TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **94**/2026/DS-PT
Ngày: 02 - 02- 2026
V/v "Tranh chấp kiện đòi tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có***:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga
Các Thẩm phán: Ông Bùi Văn Bình
Ông Phạm Tiến Hiệp

- ***Thư ký phiên tòa****:* Bà Hoàng Minh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa***: Bà Lê Huyền Kim - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 653/2025/TLPT - DS ngày 28/11/2025 về việc "*Tranh chấp kiện đòi tài sản".*

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2025/DS-ST ngày 25/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 13 – Đồng Nai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2025/QĐ-PT ngày 13/01/2026 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Bà Đặng Thị H, sinh năm 1976 – có mặt.
Địa chỉ: Ấp T, xã T, tỉnh Đồng Nai
* *Bị đơn*: Ông Vũ Thanh T, sinh năm 1971 – có mặt.
Địa chỉ thường trú: Ấp T, xã T, tỉnh Đồng Nai
Địa chỉ liên hệ: Ấp H, xã L, tỉnh Đồng Nai
* *Người làm chứng:* Ông Trương Quốc V, sinh năm 1964 – có mặt.
Địa chỉ : Ấp H, xã L, tỉnh Đồng Nai
Người kháng cáo bị đơn ông Vũ Thanh T.
Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 – Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ghi ngày 20/9/2024 cùng các bản khai và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đặng Thị H trình bày:

Năm 2014, bà và ông Vũ Thanh T thống nhất vay Ngân hàng S chi nhánh L (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) với số tiền 100.000.000 *(một trăm triệu)* đồng để ông T làm ăn, kinh doanh nên ngày 20/11/2014 bà H và ông T đã ký lập bản cam kết với nội dung giao nghĩa vụ trả nợ vay Ngân hàng 100.000.000 đồng này cho ông T, bà H không có nghĩa vụ trả số tiền trên. Đến ngày 28/01/2015 Ngân hàng S và ông T ký hợp đồng tín dụng vay số tiền 100.000.000 đồng với tài sản bảo đảm là thửa đất nhà ở tại ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước (nay là ấp T, xã T, tỉnh Đồng Nai). Số tiền nay do ông T nhận và giữ để làm ăn bà H không biết. Về sau ông T có thanh toán cho Ngân hàng được 30.000.000 đồng, số tiền còn lại ông T không trả. Một thời gian sau Ngân hàng yêu cầu bà phải thánh toán khoản nợ còn lại do ông T không trả. Bà H phải vay mượn nhiều nơi để thanh toán cho Ngân hàng tổng cộng là 80.000.000 đồng (trong đó 70.000.000 đồng nợ gốc, còn 10.000.000 đồng là lãi phát sinh) để lấy lại giấy chứng nhận QSDĐ thế chấp Ngân hàng. Hiện nay số tiền lãi phát sinh do bà trả nợ thay ông T là 64.000.000 đồng. Nay bà khởi kiện yêu cầu ông T thực hiện đúng cam kết ngày 20/11/2014 đã ký kết, theo đó bà yêu cầu ông T có nghĩa vụ trả cho bà số tiền 80.000.000 đồng và lãi phát sinh 64.000.000 đồng do bà trả nợ thay ông cho Ngân hàng. Ngoài ra, bà H không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn Vũ Thanh T trình bày :

Ông T thừa nhận ngày 20/11/2014, ông và bà H có lập và ký bản cam kết, chữ ký và chữ viết là do ông ký với nội dụng trong bản cam kết là đúng ý chí các bên. Tuy nhiên, ông T không đồng với yêu cầu khởi kiện của bà H, Vì số tiền ông vay Ngân hàng 100.000.000 đồng về là dùng để kinh doanh (mua máy chà lúa, cối xay bắp và làm nhà tiền chế…) và ông đã trả được 30.000.000 đồng. Về sau, lợi nhuận thu được ông T đã đưa cho bà H để bà H trả cho Ngân hàng số tiền còn lại vì thời điểm vay là vợ chồng hợp pháp nên việc ai trả số tiền nợ này đều được.

Người làm chứng ông Nguyễn Khắc Lâm T1 trình bày:

Ông là nhân viên của Ngân hàng S, vào khoảng thời gian từ năm 2014- năm 2015 bà H và ông T có đến ngân hàng S vay ký hợp đồng tín dụng vay số tiền 100.000.000 đồng. Trong quá trình vay vốn ông T và bà H đã thanh toán khoản vay trễ hạn. Ông đã liên hệ nhắc nợ với ông T, bà H nhưng gặp ông T được 01 lần về sau không thanh toán nên ông đã liên hệ bà H tại nơi công tác yêu cầu thanh toán khoản nợ còn lại và đến ngày 26/01/2016 thì bà Đặng Thị H đã tất toán khoản vay trên cho Ngân hàng. Ông cam kết lời trình bày của ông là đúng sự thật và xin được vắng mặt tại phiên tòa khi xét xử. Ngoài ra, ông không có ý kiến gì khác.

Người làm chứng ông Bùi Ngọc H1 trình bày:

Trước đây ông có giới thiệu cho ông V1 cư trú tại L, huyện L, tỉnh Bình Phước đến gặp ông T bà H để mua máy chà lúa. Sau đó các bên có mua bán hay

không ông không biết, từ đó đến nay ông không liên lạc hay gặp lại những người này. Vì lý do công việc bận, ông xin được vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc và các phiên toà xét xử vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2025/DS-ST ngày 25/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 13 - Đồng Nai đã quyết định:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đặng Thị H về việc yêu cầu trả tiền lãi.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị H về việc tranh chấp kiện đòi tài sản.

Buộc ông Vũ Thanh T có nghĩa vụ trả cho bà Đặng Thị H số tiền 79.865.212 đồng.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 25/9/2025, bị đơn ông Vũ Thanh T nộp đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2025/DS-ST ngày 25/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 13 - Đồng Nai theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 08/10/2025, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 – Đồng Nai kháng nghị đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2025/DS-ST ngày 25/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 13 - Đồng Nai theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ngày 29/01/2026 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 – Đồng Nai ban hành Quyết định số 19/QĐ – VKS – DS về việc rút toàn bộ Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 411/QĐ-VKS-DS ngày 08/10/2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 - Đồng Nai.

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.
- Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật: Kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Với những chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ Điều 284, Điều 289 Bộ luật tố tụng dân sự Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần Quyết định kháng nghị số 411/QĐ-VKS-DS ngày 08/10/2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 - Đồng Nai.

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Vũ Thanh T. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2025/DS-ST ngày 25/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 13 - Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai.

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn ông Vũ Thanh T làm trong thời hạn luật định, có hình thức, nội dung và phạm vi kháng cáo, kháng nghị phù hợp với quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên đủ điều kiện được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn ông Vũ Thanh T Hội đồng xét xử thấy rằng:

Nguyên đơn bà H và bị đơn ông T xác định bản cam kết ngày 20/11/2014 do ông T trực tiếp xác lập dựa trên ý chí của đôi bên với nội dung: "… *Tôi Vũ Thanh T…cam kết số tiền 100.000.000 đồng này tôi tự chịu trách nhiệm kinh doanh cũng như trả nợ về sau và cô Đặng Thị H hoàn toàn không chịu trách nhiệm về kinh doanh cũng như rủi ro về sau (nếu có)*…". Đến ngày 28/01/2015, ông T và bà H đã ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng S1 chi nhánh B – Phòng G (viết tắt: Ngân hàng) vay số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng, tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất của ông T, bà H tại ấp T, xã T (nay là xã T) tỉnh Đồng Nai; Thời điểm trả nợ: ngày 28/01/2016. Bà H cho rằng ông T dùng số tiền vay này làm ăn, kinh doanh riêng bà không biết, ông T đã thanh toán cho Ngân hàng được 30.000.000 đồng, số tiền còn lại ông T không thanh toán cho ngân hàng vì vậy Ngân hàng đã yêu cầu bà trả số nợ trên, bà H đã vay mượn để thanh toán cho Ngân hàng tại 04 giấy nộp tiền (bút lục 03-06).

Bị đơn ông T cũng thừa nhận bản cam kết ngày 20/11/2014 được viết dựa trên ý chí tự nguyện của ông và bà H và có vay Ngân hàng 100.000.000 đồng. Tuy nhiên, ông T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà H vì cho rằng sau khi vay tiền Ngân hàng thì ông dùng số tiền này để làm nhà tiền chế và mua sắm vật tư để chà lúa kinh doanh, ông đã thanh toán cho Ngân hàng được số tiền 30.000.000 đồng từ lợi nhuận kinh doanh, số tiền vay gốc còn lại ông đã đưa cho bà H trực tiếp thanh toán cho Ngân hàng, nguồn tiền do thu được từ lợi nhuận ông kinh doanh và thời kỳ vay ông và bà H là vợ chồng hợp pháp nên ông T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà H.

Xét thấy, trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà, ông T không cung cấp được chứng cứ chứng minh ông dùng số tiền vay để kinh doanh và lợi nhuận có được đã đưa cho bà H trả số tiền còn nợ 70.000.000 đồng

cho Ngân hàng. Ông T cho rằng ông và bà H là vợ chồng hợp pháp tại thời điểm vay nên tài sản là của chung hai vợ chồng đồng thuận vay để làm ăn nên ai trả cũng được là không hợp lý, bất nhất với lời khai của ông tại (bút lục 36). Tại biên bản lấy lời khai ông T ngày 15/4/2015, ông T khai "*tôi muốn mua máy làm ăn nhưng bà H nói bà H đi dạy học không làm được, tôi vay thì tôi có trách nhiệm trả và tôi đồng ý. Tôi bảo nếu không tin nhau thì viết giấy"*. Tại phiên toà phúc thẩm, ông T thừa nhận ông chỉ thanh toán cho Ngân hàng số tiền 30.000.000 đồng tiền gốc, bà H là người trực tiếp thanh toán số tiền 70.000.000 đồng tiền vay gốc và tiền lãi cho Ngân hàng. Nguồn tiền bà H thanh toán cho Ngân hàng từ tiền lương của bà H tích góp và tiền chung của hai vợ chồng dành dụm nhưng ông T không chứng minh được số tiền là tài sản chung của hai vợ chồng có được từ nguồn kinh doanh ông T giao cho bà H quản lý. Như vậy, trước khi ông T , bà H vay khoản nợ từ Ngân hàng ông và bà H đã thống nhất (bản cam kết ngày 20/11/2014) nghĩa vụ trả nợ đối với khoản vay 100.000.000 đồng của Ngân hàng thuộc về ông T, điều này phù hợp với lời trình bày của bà H và tài liệu chứng cứ thể hiện nên lời trình bày của ông T không có cơ sở. Ông T cũng không đề nghị bà H cùng huỷ bỏ thoả thuận đã lập hoặc lập văn bản nào khác thay thế cho bản cam kết xác lập ngày 20/11/2014. Ông T cho rằng bản cam kết này không còn giá trị vì nợ Ngân hàng hiện nay đã trả xong là không phù hợp bởi lẽ cam kết giữa hai ông bà và giao dịch giữa hai ông bà với Ngân hàng là hoàn toàn độc lập nhau, các quyền, nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch tín dụng không ảnh hưởng đến cam kết đã thiết lập và ngược lại. Không có văn bản nào thay thế hoặc làm chấm dứt hiệu lực của bản cam kết ngày 20/11/2014, bản cam kết ngày 20/11/2014 được các bên thừa nhận là tự nguyện và hợp pháp. Vì vậy, Toá án cấp sơ thẩm đã tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H về việc buộc ông T có nghĩa vụ thanh toán lại khoản tiền 79.865.212 đồng mà bà H trả cho Ngân hàng là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Do vậy, kháng cáo của ông T không có cơ sở nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Cần giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 20/2025/DS-ST ngày 25/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 13 - Đồng Nai.

Do Quyết định kháng nghị số 411/QĐ-VKS-DS ngày 08/10/2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 - Đồng Nai đã được rút toàn bộ nên cần Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng nghị Viện kiểm sát đã rút.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông T phải chịu theo quy định.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 284, Điều 289 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với Quyết định kháng nghị số 411/QĐ-VKS-DS ngày 08/10/2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 - Đồng Nai.

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Vũ Thanh T;

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2025/DS-ST ngày 25/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 13 - Đồng Nai:

Căn cứ Điều 256 Bộ luật Dân sự năm 2005; Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 228, 229 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về mức thu án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đặng Thị H về việc yêu cầu trả tiền lãi.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị H về việc tranh chấp kiện đòi tài sản.

Buộc ông Vũ Thanh T có nghĩa vụ trả cho bà Đặng Thị H số tiền 79.865.212 đồng.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Đặng Thị H không phải chịu. Hoàn trả lại cho bà H số tiền 3.600.000 (*Ba triệu sáu trăm ngàn*) đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Đốp (nay là phòng Thi hành án dân sự khu vực A-Đồng Nai) theo biên lai số 0007230 ngày 08/01/2025.

Bị đơn ông Vũ Thanh T phải chịu số tiền 3.993.260 (*Ba triệu chín trăm chín mươi ba ngàn hai trăm sáu mươi*) đồng.

6. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Vũ Thanh T phải chịu 300.000 (*ba trăm ngàn*) được trừ vào số tiền số tiền 300.000 (*ba trăm ngàn*) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0006177 ngày 31/10/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- TAND KV 13 - Đồng Nai;
- VKSNDKV13 – Đồng Nai;
- PTHADS KV13 -Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP, Tòa DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Nga